

**KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04/4/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 31-KH/TU, ngày 16/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW*); Kết luận số 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*sau đây gọi tắt là Kết luận số 219-KL/TW*);

Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04/4/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 85/NQ-CP*);

Căn cứ Kế hoạch số 31-KH/TU ngày 16/01/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 219-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 31-KH/TU*);

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 85/NQ-CP và Kế hoạch số 31-KH/TU trên địa bàn tỉnh<sup>1</sup>, cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Đẩy mạnh công tác phổ biến, quán triệt, tuyên truyền nội dung Kết luận số 219-KL/TW đến đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong tình hình mới.

<sup>1</sup> Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 353/TTr-SNNMT-PTNT ngày 07/5/2026.

- Nâng cao nhận thức, phát huy trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội đối với vai trò nền tảng quan trọng, vị trí chiến lược lâu dài của nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tạo chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh Quảng Ngãi trong phát triển nông nghiệp; gắn kết chặt chẽ với phát triển đô thị, bảo đảm đồng bộ với vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp.

## **2. Yêu cầu**

- Tổ chức thể chế hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 85/NQ-CP, Kế hoạch số 31-KH/TU trong toàn thể hệ thống chính trị.

- Xác định nhiệm vụ cụ thể để các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung chỉ đạo, xây dựng kế hoạch, đề án, chương trình và tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện; hướng đến việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải bảo đảm toàn diện, kịp thời, đồng bộ và hiệu quả. Nông dân là chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp. Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc và bền vững. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính; có bước chuyển biến cơ bản trong khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững; ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường; hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Nông nghiệp phải bảo đảm an ninh lương thực trong mọi tình huống, góp phần bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Nông dân và cư dân nông thôn là chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn; có đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được nâng cao. Xây dựng ngành nông nghiệp theo hướng giá trị gia tăng, phát triển bền vững và xanh hóa, hiện đại, gắn với bảo tồn đa dạng sinh học và thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển mạnh sang tư duy sản xuất hàng hoá, đẩy mạnh cơ cấu lại theo hướng phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp, bảo vệ môi trường sinh thái; ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số toàn diện; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh nông sản chủ lực của tỉnh. Nông thôn phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất theo hướng chuyên môn hoá, chuyên nghiệp hoá, thúc đẩy liên kết chặt chẽ theo mô hình "6 nhà"; xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả và bền vững, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững.

## 2. Mục tiêu cụ thể năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành Nông nghiệp phấn đấu đạt bình quân khoảng 5-6%/năm; tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân từ 5,5-6%/năm.
- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn phấn đấu đạt bình quân trên 10%/năm.
- Phấn đấu số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 65%.
- Phấn đấu 100% các xã đạt chuẩn nông thôn mới có đầy đủ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn phấn đấu tăng gấp 2,5-3 lần so với năm 2020.
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt trên 70%.
- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 38,7%; bình quân hàng năm đào tạo nghề cho khoảng 1,5 triệu lao động nông thôn.
- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 60%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 90%.

**3. Tầm nhìn đến năm 2045:** Nông dân và cư dân nông thôn văn minh, phát triển toàn diện, có điều kiện sống tiệm cận với đô thị. Nông nghiệp tỉnh phát triển hiện đại, toàn diện theo hướng sinh thái, bảo vệ môi trường; 100% các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung ứng dụng công nghệ cao; giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ đạt 30-35% giá trị sản phẩm nông nghiệp chung của tỉnh. Nông thôn hiện đại, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; nông dân có mức thu nhập cao.

## III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

### 1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, kinh doanh nông lâm nghiệp và thủy sản

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Đẩy mạnh chuyển đổi sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng nâng cao hiệu quả từ nông sản có giá trị thấp sang nông sản có giá trị cao; chuyển đổi những vùng lúa năng suất thấp, một vụ sang sản xuất cây trồng hoặc vật nuôi có giá trị kinh tế cao hơn, phù hợp với điều kiện sản xuất của từng địa phương và gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm; chú trọng xây dựng những vùng nguyên liệu lớn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát thải thấp cho những sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Phát triển nông nghiệp sinh thái, hiệu quả, bền vững, minh bạch, trách nhiệm gắn với môi trường bền vững; thực hiện tích hợp đa giá trị theo hướng giữ vững an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn; chú trọng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, khai thác và chế biến theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Phát triển kinh tế hợp tác, hỗ trợ liên kết theo chuỗi giá trị. Phát triển các hình thức hợp tác mới trong nông nghiệp.

- Tổ chức lại sản xuất theo vùng chuyên canh, gắn với chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc và xây dựng mã số vùng trồng, vùng nuôi,... đáp ứng yêu cầu thị trường; thực hiện chuyển đổi hệ thống lương thực, thực phẩm theo hướng “xanh”, ít phát thải và bền vững thông qua việc thúc đẩy phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh nuôi biển và khai thác hải sản bền vững; tập trung giải quyết dứt điểm khuyến nghị của EC để gỡ “Thẻ vàng”, ngăn chặn và xử lý nghiêm tầu cá khai thác trái phép ở ngoài vùng biển Việt Nam.

- Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn. Ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp; hợp tác xã nông nghiệp tham gia phát triển vùng nguyên liệu nông sản tập trung.

- Tăng cường hoạt động giám sát, cảnh báo sớm về nguy cơ đối với môi trường nuôi, trồng, dịch bệnh, cháy rừng; chủ động triển khai các biện pháp ngăn ngừa, phản ứng nhanh, kịp thời xử lý dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản và phòng chống cháy rừng.

b) Cụ thể hóa các chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, bảo đảm hài hòa lợi ích lâu dài giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người nông dân, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới. Có chính sách thu hút, huy động người dân, doanh nghiệp đầu tư vào phát triển nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao gắn với xây dựng thương hiệu theo địa danh và đặc sản vùng miền; kinh tế lâm nghiệp, kinh tế dược liệu, với trọng tâm là sâm Ngọc Linh và các loài dược liệu quý đặc hữu, cây ăn quả, rau hoa xứ lạnh, tỏi Lý Sơn, cây công nghiệp; phấn đấu trở thành vùng trọng điểm dược liệu của quốc gia. Phát triển ít nhất 05 thương hiệu nông sản mạnh cấp vùng, có khả năng xuất khẩu hoặc dẫn dắt thị trường nội địa.

c) Phát triển nông thôn theo hướng hiện đại, thông minh, gắn với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa; chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Thực hiện hài hòa giữa phát triển kinh tế - phát triển văn hóa, xã hội - bảo vệ môi trường sinh thái, kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư hạ tầng - nâng cao chất lượng đời sống - giữ gìn bản sắc văn hóa. Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới, nâng cao thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản cho người dân. Phát triển toàn diện khu vực vùng đồng bào dân tộc

thiểu số, miền núi; thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng, miền, nhóm dân cư, nhất là vùng dân tộc thiểu số và miền núi so với vùng khác; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc thiểu số.

Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035; các mô hình phân bố dân cư phù hợp với từng vùng sinh thái tự nhiên và đặc điểm văn hóa, dân tộc, phù hợp với đặc thù của từng vùng. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn. Bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở đất.

d) Tiếp tục hoàn thiện và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, tài nguyên, môi trường đồng bộ, hiện đại

- Phát triển thủy lợi đa mục tiêu; xây dựng nâng cấp sửa chữa công trình đề điều, phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu. Ứng dụng công nghệ quản lý và sử dụng nước hiệu quả; phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu, đầu tư cơ sở hạ tầng trên bờ, nuôi biển. Đầu tư xây dựng hạ tầng lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng. Phát triển hạ tầng phục vụ chuỗi cung ứng lạnh, bảo quản, chế biến.

- Tăng cường đầu tư hệ thống điều tra cơ bản, giám sát, quan trắc tài nguyên đất, nước, khoáng sản, khí tượng thủy văn, biển và hải đảo; phát triển cơ sở dữ liệu tài nguyên đồng bộ, thống nhất, phục vụ chuyển đổi số quốc gia; chú trọng hạ tầng kỹ thuật để quản lý, giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, bờ biển.

đ) Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu

- Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài nguyên, nhất là đất, nước, khoáng sản, theo nguyên tắc thị trường. Rà soát, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo đảm đồng bộ, minh bạch các yếu tố thị trường để có khả năng vốn hóa các nguồn lực tài nguyên, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả. Phát triển thị trường, đẩy mạnh thương mại hóa quyền sử dụng đất, tăng cường đăng ký quyền sử dụng đất và áp dụng định giá đất theo thị trường bảo đảm công khai, minh bạch.

- Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước; tăng cường tích nước, điều tiết, quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống Nhân dân. Quản lý, vận hành kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu gắn với chuyển đổi số, vận hành thông minh để khai thác tối đa hiệu quả của các công trình thủy lợi.

- Phục hồi rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, các hệ sinh thái sông, hồ, nguồn nước ngầm; kiểm soát ô nhiễm. Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, nâng cao năng suất, chất lượng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp, nâng cao giá

trị gia tăng các sản phẩm lâm nghiệp. Phát triển “hạ tầng xanh”, “hệ sinh thái tự nhiên” chống chịu với thiên tai. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Xử lý dứt điểm các điểm nóng ô nhiễm môi trường tại các khu dân cư, khu công nghiệp, làng nghề, các dòng sông; ngăn chặn các nguồn gây ô nhiễm mới, cải thiện chất lượng môi trường sống của người dân.

- Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích giảm phát thải trong sản xuất nông nghiệp, thúc đẩy tái sử dụng, tái chế phụ phẩm nông nghiệp.

e) Rà soát, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh cho phù hợp với các chủ trương, định hướng mới về phát triển nông nghiệp, nông thôn khi thực hiện điều chỉnh quy hoạch tỉnh cho các cơ quan, đơn vị có liên quan.

f) Tổ chức kiểm tra, giám sát; định kỳ tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn để nghiên cứu thay thế, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu, thực tiễn.

## **2. Sở Tài chính**

- Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tăng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, ưu tiên các vùng khó khăn, miền núi, hải đảo, phân đầu không để chênh lệch lớn giữa các vùng. Nâng cao hiệu quả đầu tư, tích hợp một số chương trình đầu tư đang triển khai thực hiện. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, nguồn tài trợ của các nước, các tổ chức và cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích đầu tư vào phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn.

- Tăng đầu tư ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 cho nông nghiệp, nông thôn ít nhất gấp 02 lần giai đoạn 2011 - 2020. Hỗ trợ nâng cao đời sống của người trồng lúa, trồng rừng. Thực hiện hiệu quả chính sách phát triển kinh tế rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng, bảo đảm nguồn lực cho công tác bảo vệ và phát triển rừng.

## **3. Sở Khoa học và Công nghệ**

a) Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông tuyên truyền về Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 219-KL/TW, Nghị quyết số 85/NQ-CP, Kế hoạch số 31-KH/TU và đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; cụ thể:

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục sâu, rộng trong toàn xã hội về vị trí, vai trò và đóng góp quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn, bảo vệ tài nguyên và môi trường trong tiến trình thúc đẩy tăng trưởng "2 con số", đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới. Đổi mới phương thức truyền thông thông qua các phương tiện truyền thông, các hội nghị, hội thảo và các hình thức khác nhằm thay đổi tư duy của cả hệ thống chính trị về chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp.

- Cập nhật, bổ sung các mục tiêu, định hướng và giải pháp trong bối cảnh mới đã đề ra tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 219-KL/TW, Nghị quyết số 85/NQ-CP, Kế hoạch số 31-KH/TU, các Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030 và chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, tài nguyên và môi trường cho các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các địa phương, các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân trong các chương trình tuyên truyền, học tập, quán triệt.

- Tích cực phổ biến, tuyên truyền các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, nông dân, nông thôn tiêu biểu; khắc phục tình trạng thông tin không chính xác ảnh hưởng đến tâm lý người tiêu dùng và các tổ chức sản xuất kinh doanh.

b) Triển khai đồng bộ, kịp thời có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Quyết tâm cắt giảm triệt để các điều kiện, thủ tục hành chính để thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tập trung đào tạo, phát triển và thu hút nguồn nhân lực khoa học công nghệ chất lượng cao. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện và thực chất; coi trọng xây dựng các nền tảng quản trị dữ liệu dùng chung, dữ liệu lớn, đồng bộ về đất đai, tài nguyên nước, rừng, khí tượng thủy văn và đa dạng sinh học, bản đồ số chuyên đề và các hệ thống dự báo, cảnh báo thông minh.

**4. Sở Y tế:** Thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển; bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận cơ hội phát triển, dịch vụ cơ bản nông thôn. Thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới, phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em, nâng cao năng lực, vị thế của phụ nữ ở nông thôn.

## **5. Sở Công Thương**

- Tiếp tục tổ chức triển khai Phương án phát triển cụm công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi.

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh (đơn vị đầu mối chủ trì) triển khai Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030.

- Hỗ trợ kết nối cung - cầu nhằm thúc đẩy tiêu thụ nông sản của tỉnh, tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại và công tác phối hợp làm đầu mối kết nối, giới thiệu đưa nông sản vào hệ thống phân phối như siêu thị, đăng ký tham gia Điểm giới thiệu nông sản an toàn tại các tỉnh thành trong nước, các chuỗi tiện ích.

## **6. Sở Xây dựng**

- Hướng dẫn các địa phương, đơn vị tổ chức lập, phê duyệt và thực hiện hiệu quả các quy hoạch đô thị và nông thôn nhằm góp phần phục vụ phát triển

kinh tế - xã hội, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ.

- Phối hợp Sở Tài chính và các địa phương, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh việc đầu tư xây dựng mạng lưới giao thông phục vụ lưu thông, logistics, thương mại điện tử ở nông thôn.

**7. Sở Nội vụ:** Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan: Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong và ngoài tỉnh. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

## **8. Sở Giáo dục và Đào tạo**

a) Đổi mới công tác tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh, khởi nghiệp cho lao động nông thôn. Xây dựng các mô hình, điển hình thành công về học nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn để làm hạt nhân cho công tác tuyên truyền, hướng nghiệp ở vùng nông thôn. Rà soát các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là chính sách hỗ trợ đối với lao động chuyển đổi nghề nghiệp, chính sách hỗ trợ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên lực lượng lao động.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, các đơn vị liên quan

- Triển khai các giải pháp để đổi mới toàn diện hình thức tổ chức và nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, nhất là lao động trẻ, đáp ứng nhu cầu thị trường. Mở rộng quy mô, ngành nghề đào tạo phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, khoa học - công nghệ, quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu lao động ở nông thôn, chuyển đổi nghề nghiệp và xuất khẩu lao động.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp để hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, tay nghề cao đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị. Đào tạo nguồn nhân lực phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa thực chất, hiệu quả, bền vững, đi vào chiều sâu, lấy cư dân nông thôn làm chủ thể, đem lại chuyển biến tích cực, rõ nét hơn về chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong và ngoài tỉnh. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

c) Nâng cao chất lượng đào tạo trong các cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Mở rộng, đa dạng hóa các loại hình đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, đẩy mạnh các hình thức đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn, giúp người lao động dễ dàng tiếp cận với giáo dục nghề nghiệp để nâng cao trình độ, kỹ năng nghề. Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong xây dựng các chương trình, giáo trình đào tạo, tuyển sinh, tổ chức đào tạo và đánh giá, cấp chứng chỉ, tạo việc làm cho lao động nông thôn.

d) Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó triển khai phát triển giáo dục nghề nghiệp khu vực nông thôn nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, chất lượng, nhân lực có kỹ năng nghề.

### **9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Phát triển loại hình dịch vụ cộng đồng, du lịch nông nghiệp nhằm tạo thêm nhiều việc làm cho nông dân và nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm nông nghiệp, góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong công tác xúc tiến, quảng bá du lịch. Xây dựng, sản xuất ấn phẩm, vật phẩm phục vụ xúc tiến du lịch giới thiệu sản phẩm dịch vụ du lịch nông thôn tại các hội chợ du lịch để nâng cao chất lượng, chú trọng phát huy hình thức gian hàng online. Khuyến khích các doanh nghiệp và nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh, các đơn vị truyền thông báo chí tổ chức các đoàn khảo sát, tham quan trải nghiệm, giới thiệu, quảng bá các sản phẩm du lịch,...

### **10. Sở Dân tộc và Tôn giáo**

- Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương và đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất các giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện Hợp phần II: Các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (Gồm 05 nội dung thành phần và 23 nội dung cụ thể, thực hiện trên phạm vi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chỉ thực hiện ngoài vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đối với những nội dung mang tính đặc thù của ngành công tác dân tộc và không quy định trong Hợp phần thứ nhất) trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn lực giúp nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, cải thiện hạ tầng cơ sở tại các địa bàn đặc biệt khó khăn;

- Tổ chức tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong đồng bào các dân tộc; chức sắc tôn giáo; phát huy vai trò của già làng, trưởng thôn, người có uy tín trong xây dựng nông thôn mới.

- Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện định kỳ, đột xuất theo quy định.

**11. Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi:** Khai thác hiệu quả hạ tầng cảng biển Dung Quất và vai trò cửa ngõ phía Tây (Cửa khẩu quốc tế Bờ Y) để hình thành trục giao thương nông sản, lâm sản chế biến từ Tây Nguyên ra biển.

## **12. Đề nghị Hội Nông dân tỉnh**

- Tăng cường tổ chức tập huấn, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến với hội viên nông dân. Vận động hội viên tham gia phong trào nông dân sản xuất kinh doanh giỏi. Tập trung vận động tăng trưởng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ Nông dân và hỗ trợ cho các mô hình phát triển kinh tế. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, công nghiệp 4.0 trong sản xuất nông nghiệp đến hội viên nông dân trong tỉnh, cung cấp con giống, cây giống có giá trị kinh tế và phù hợp với từng địa phương.

- Vận động cán bộ, hội viên nông dân trồng cây che phủ rừng, hưởng ứng phong trào xây dựng nông thôn mới, nông thôn kiểu mẫu, nông thôn mới nâng cao, tham gia bảo vệ môi trường nông thôn. Tuyên truyền, vận động hội viên tham gia vào tổ hợp tác, hợp tác xã để phát triển kinh tế tập thể; đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai, phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hóa tập trung, quy mô lớn, đảm bảo an toàn thực phẩm.

**13. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Khu vực 9:** Thực hiện hiệu quả chính sách tài chính, tín dụng hỗ trợ hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ nông thôn phát triển sản xuất kinh doanh; chính sách tín dụng ưu đãi để giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề ở nông thôn. Phát huy vai trò của Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong cung cấp tín dụng đối với các hộ sản xuất nông nghiệp, nhất là với hộ nghèo và các đối tượng chính sách.

**14. Đề nghị Bảo hiểm Xã hội tỉnh:** Thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm, khuyến khích, nâng cao tỷ lệ nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế.

## **15. UBND các xã, phường, đặc khu**

- Tổ chức quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, chuyển mạnh sang mô hình tăng trưởng xanh. Khai thác và phát huy nguồn lực đất đai trong xây dựng, phát triển bền vững kinh tế nông thôn. Bảo vệ quỹ đất nông nghiệp cả về số lượng, chất lượng; chống sạt lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, thoái hóa đất.

- Kịp thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chung cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 và định hướng đến năm 2035.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, tăng cường giám sát các chương trình đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn. Thí điểm, nhân rộng các mô hình đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến phù hợp, hiệu quả; mở rộng sản xuất nông sản hàng hóa gắn với xây dựng, phát triển các vùng nguyên liệu tập

trung. Phát triển, nhân rộng các loại hình kinh tế trong nông nghiệp; đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất với chế biến, phân phối, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu chủ động triển khai thực hiện đảm bảo về thời gian, chất lượng và hiệu quả các nội dung tại Kế hoạch này.

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức quán triệt và phối hợp thu thập, cung cấp thông tin các chỉ tiêu thuộc Bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá về nông nghiệp, nông dân, nông thôn cho các cơ quan Trung ương theo yêu cầu và tham mưu UBND tỉnh các nội dung theo thẩm quyền đúng theo quy định tại Quyết định số 24/2024/QĐ-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ; trong đó, có các số liệu tại kế hoạch này. Định kỳ hàng năm, tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện về UBND tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*) trước ngày 10/12 để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh trước ngày 30/12.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch này; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh đảm bảo chất lượng, tiến độ theo thời gian quy định.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, chủ động đề xuất gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04/4/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 31-KH/TU, ngày 16/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Đề nghị các cơ quan đơn vị tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, theo đúng quy định./.

##### **Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh *Đỗ Tâm Hiền*;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Thống Kê tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP *Tạ Văn Lực*;
- Lưu: VT, NNMT, NLTA.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đỗ Tâm Hiền**